



#### PHỤ LỤC 4

### TỈ TRỌNG CÁC BỘ PHẬN CỦA MỘT SỐ NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHÁC (NGOÀI NHÀ Ở)

(Kèm theo Quyết định số 30 /2022/QĐ-UBND ngày 06 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

SỐ THỨ TỰ	LOẠI NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHÁC (NGOÀI NHÀ Ở)	TỈ TRỌNG (%)								Tổng cộng
		Phần móng, trụ, sàn cao tầng	Phần khung	Phần sàn, nền hoặc gác	Phần vách	Phần mái	Phần điện	Phần nước và vệ sinh	Phần hoàn thiện (gồm cả hoàn thiện nền, sàn)	
<b>I</b>	<b>Biệt thự</b>									
1	Biệt thự 1 tầng	21,25	15,01	8,19	22,20	13,78	2,78	4,85	11,95	100,00
2	Biệt thự 2 tầng	25,37	14,08	7,57	20,73	11,47	4,69	5,89	10,17	100,00
<b>II</b>	<b>Nhà ở khác (ngoài biệt thự)</b>									
	Nhà 1 tầng									
	Nhà kiên cố (số thứ tự từ 25-80)	28,44	5,59	9,61	21,82	15,83	2,62	9,22	6,88	100,00
1	Nhà bán kiên cố (số thứ tự từ 81-178)	18,14	9,74	20,76	21,82	10,33	3,73	7,24	8,23	100,00
	Nhà tạm (số thứ tự từ 179-232)	18,64	15,65	10,65	28,13	11,98	4,13	1,01	9,80	100,00
2	Nhà 2 tầng	31,70	7,59	9,69	22,27	8,12	2,64	4,99	12,99	100,00
3	Nhà từ 3 đến 6 tầng	29,55	13,11	17,41	20,57	6,04	2,84	5,45	5,02	100,00
<b>III</b>	<b>Công trình sản xuất</b>									
1	Nhà xưởng, nhà kho cơ sở sản xuất hộ gia đình	23,93	10,98	10,86	31,61	15,61	Tổng cộng 7%			100,00

Ghi chú: Những công trình có kết cấu gần tương tự được vận dụng tỉ trọng tương tự để xác định giá trị xây dựng mới.